

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013**



---

HÀ NỘI, THÁNG 08 NĂM 2012

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 32

3-C.T.  
TY  
HỮU HẠN  
ĐỊNH GIÁ  
AM  
P. HÀ

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:**

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300342329 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 23/07/2008.
3.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/12/2008.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Trần Anh Vương	Chủ tịch
Ông Vũ Hữu Trí	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Thành viên
Ông Đặng Đức Dũng	Thành viên
Ông Lê Quốc Hùng	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Anh Vương	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Bảo	Phó giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Phó giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 01/01/2013 đến 30/06/2013.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**



**Trần Anh Vương**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2012

222  
G T  
ỆM HỮ  
VÀ ĐỊ  
NA  
- TP

Số: 56/13/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 được lập ngày 16 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm tồn kho tại thời điểm 30/06/2013 (được trình bày tại mục V.3 của bản thuyết minh Báo cáo tài chính) của Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt.
- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã có ý kiến ngoại trừ về việc ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính 27.456.730.000 đồng, tăng phải thu khác 48.000.000.000 đồng, giảm khoản đầu tư vào công ty con 20.543.270.000 đồng từ việc chuyển nhượng 2.000.000 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần kim khí Bắc Việt cho Ông Nguyễn Văn Mừng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cũng như không thu thập được thêm các bằng chứng để lượng hóa ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ nêu trên. Ngoài ra Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu quá hạn với khoản công nợ trên.
- Khoản chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn phát sinh từ các năm tài chính trước với giá trị là 1.800.039.345 đồng và phát sinh trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 với tổng giá trị là 653.207.458 đồng của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt chưa được phân bổ để xác định kết quả kinh doanh.
- Tại ngày 31/12/2012 Công ty Cổ phần Công Nghệ Bắc Việt chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tổng giá trị là 1.465.236.457 đồng. Nếu khoản dự phòng trên được trích lập thì sẽ ảnh hưởng lũy kế đến các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013.
- Khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh từ các năm tài chính trước với tổng giá trị là 634.385.235 đồng và phát sinh trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 với tổng giá trị là 321.885.422 đồng đang được Công ty hạch toán trên Tài Khoản 142- chi phí trả trước ngắn hạn và Tài Khoản 242- Chi phí trả trước dài hạn của Công ty CP Công Nghệ Bắc Việt mà chưa thực hiện kết chuyển vào Chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Trong kỳ, các Công ty trong Tập đoàn giao dịch mua bán tài sản cố định. Ảnh hưởng của các giao dịch này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày tại thuyết minh tại mục IV.4.1.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh. Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt giữ 07 bản tiếng Việt và 07 bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



**Trần Quốc Tuấn**

Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Cao Thị Hà**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1787-2013-034-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>234.469.701.690</b>	<b>268.295.700.775</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.149.663.713</b>	<b>3.469.444.167</b>
1 Tiền	111	V.1.	5.149.663.713	3.469.444.167
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.987.127.039</b>	<b>146.337.464.535</b>
1 Phải thu của khách hàng	131		59.567.332.105	99.821.366.721
2 Trả trước cho người bán	132		2.337.450.072	251.947.177
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	48.881.542.007	50.881.002.110
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.799.197.145)	(4.616.851.473)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>113.765.024.303</b>	<b>112.133.479.589</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	113.765.024.303	112.133.479.589
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.567.886.635</b>	<b>6.355.312.484</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.671.925.694	1.742.354.995
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.441.549.975	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	36.872.872	36.483.280
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.	4.417.538.094	4.576.474.209
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260+269)	<b>200</b>		<b>207.580.386.727</b>	<b>209.252.582.586</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>173.162.248.493</b>	<b>174.424.032.531</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	163.650.154.668	146.749.917.054
- Nguyên giá	222		224.544.304.772	213.345.717.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.894.150.104)	(66.595.800.841)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	4.613.087.648	4.705.312.404
- Nguyên giá	228		5.906.495.390	5.906.495.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.293.407.742)	(1.201.182.986)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	4.899.006.177	22.968.803.073
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.9.	<b>22.782.012.640</b>	<b>24.685.354.237</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.413.768.644	20.317.110.241
3 Đầu tư dài hạn khác	258		4.368.243.996	4.368.243.996
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.868.239.724</b>	<b>5.086.347.168</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	6.667.615.493	4.885.722.937
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		200.624.231	200.624.231
<b>VI Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	V.11.	<b>4.767.885.870</b>	<b>5.056.848.650</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>442.050.088.417</b>	<b>477.548.283.361</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>351.160.633.217</b>	<b>387.766.271.036</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>231.235.004.165</b>	<b>303.268.472.124</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	149.651.702.678	212.668.766.624
2 Phải trả người bán	312		37.553.800.984	66.537.968.354
3 Người mua trả tiền trước	313		9.889.925.010	4.796.574.184
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	6.255.776.381	1.924.041.185
5 Phải trả người lao động	315		1.846.060.472	1.999.505.132
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	21.785.444.069	11.904.562.726
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	3.627.910.996	2.754.371.344
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		624.383.575	682.682.575
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>119.925.629.052</b>	<b>84.497.798.912</b>
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	119.918.507.729	84.490.677.589
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		7.121.323	7.121.323
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>88.116.141.024</b>	<b>86.177.599.420</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17.	<b>88.116.141.024</b>	<b>86.177.599.420</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		97.509.480.000	97.509.480.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		16.503.370.800	16.503.370.800
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.719.029.425	6.719.029.425
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.137.798.402	1.137.798.402
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		150.037.319	150.037.319
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(33.903.574.922)	(35.842.116.526)
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.773.314.176</b>	<b>3.604.412.905</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>442.050.088.417</b>	<b>477.548.283.361</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT  
 Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI  
 TR. KIẾM  
 CHẤU

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.18.</b>	<b>91.805.685.674</b>	<b>336.330.001.923</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19.	469.202.889	207.883.681
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.20.</b>	<b>91.336.482.785</b>	<b>336.122.118.242</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.21.	74.534.289.804	316.891.325.793
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.802.192.981</b>	<b>19.230.792.449</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	25.487.444	51.703.375
7 Chi phí tài chính	22	VI.23.	17.249.243.356	27.378.765.168
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.219.778.799	27.059.258.046
8 Chi phí bán hàng	24		851.285.228	1.798.423.961
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.885.370.468	11.057.649.893
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(11.158.218.627)</b>	<b>(20.952.343.198)</b>
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.1	41.880.082.430	6.942.094
12 Chi phí khác	32	VIII.2.2	27.816.829.331	15.636.000
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>14.063.253.099</b>	<b>(8.693.906)</b>
<b>14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>(1.903.341.597)</b>	<b>(311.396.708)</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>1.001.692.875</b>	<b>(21.272.433.811)</b>
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.001.692.875</b>	<b>(21.272.433.811)</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(936.848.729)	(1.973.472.291)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.938.541.604	(19.298.961.521)
<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.23.</b>	<b>199</b>	<b>(1.979)</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Giám đốc  
  
Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		238.632.541.214	416.611.978.179
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(157.935.148.322)	(396.509.367.556)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.588.108.942)	(10.798.743.946)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.768.093.537)	(32.002.442.153)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(46.557.907)	(24.964.421)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		36.409.553.675	11.401.999.770
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(33.999.922.247)	(10.592.685.026)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>70.704.263.934</b>	<b>(21.914.225.153)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(51.745.286.712)	(74.425.544)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.818.277.125	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(57.945.400)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.497.005	51.703.375
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.902.512.582)</b>	<b>(80.667.569)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		105.750.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		105.253.794.719	257.890.717.810
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(133.481.076.525)	(238.847.818.114)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(28.121.531.806)</b>	<b>19.042.899.696</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.680.219.546</b>	<b>(2.951.993.026)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1.</b>	<b>3.469.444.167</b>	<b>5.721.784.417</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>5.149.663.713</b>	<b>2.769.791.391</b>

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của BCTC hợp nhất giữa niên độ này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Thép Bắc Việt được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000. Sau đó được chuyển thành Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/06/2008. Công ty có 3 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 05 năm 2010 thì vốn điều lệ của Công ty là: **108.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép...

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Buôn bán máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, phương tiện vận tải và hàng thủ công mỹ
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá. Môi giới thương mại;
- Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép. Cán và kéo thép, dây sắt. Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại. Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng. Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, phụ tùng xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản, cần trục cầu trục các thiết bị nâng hạ và động cơ;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng. Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện, các công trình cấp thoát nước và xử lý môi trường;
- Môi giới, tư vấn và kinh doanh bất động sản (không bao gồm tư vấn tài chính, pháp luật và tư vấn về giá đất). Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đô thị;
- Dịch vụ xếp dỡ, bảo quản hàng hoá, cân điện tử. Vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải, cho thuê xe tải và xe du lịch, máy móc xây dựng và máy văn phòng;
- Đại lý vận tải trong nước và quốc tế, uỷ thác giao nhận, khai thuê hải quan, bưu chính chuyển phát;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm tuyển chọn, cung ứng, giới thiệu nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động);
- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư, đào tạo và chuyển giao công nghệ (không bao gồm tư vấn thiết kế công trình và tư vấn luật, thuế, tài chính), (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Dịch vụ tin học và công nghệ thông tin;

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

**4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty**

- Số lượng công ty con: 3 công ty

228.  
TY  
HỮU  
ĐINH  
AM  
TP.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

**(tiếp theo)**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Thôn Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 99% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 99%
3.	Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%

**5. Danh sách các Công ty liên danh, liên kết được phản ánh trong BCTC hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

1.	Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 34% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 34%
2.	Công ty CP Thương mại Đầu Tư và Công nghệ Hưng Việt	Địa chỉ: A14, Khu Công Đoàn Vông Thị, Tây Hồ, Hà Nội Tỷ lệ phần sở hữu: 25% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 25%
3.	Công ty TNHH Nippon steel metal & Sumikin Metal Products Việt Nam.	Địa chỉ: xã Phương Liễn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ phần sở hữu: 24% Tỷ lệ quyền biểu quyết: 24%

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính đã được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC hợp nhất giữa niên độ này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/06/2013. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

**Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

**(tiếp theo)**

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt (là Công ty con của Công ty Cổ phần thép Bắc Việt) bán tài sản cố định cho Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt (là Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.149.000.000 đồng (*trong đó Công ty Cổ phần thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị là 10.033.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định là 3.768.820.391 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao là 306.622.713 đồng và Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt bán thanh lý tài sản với tổng giá trị bán là 5.116.000.000 đồng, nguyên giá tài sản cố định và công cụ dụng cụ với giá trị lần lượt là 2.314.803.000 đồng và 50.333.333 đồng, giá trị còn lại chưa khấu hao và chưa phân bổ là 1.924.730.941 đồng*). Công ty Cổ phần thương mại Bắc Việt đã bán toàn bộ số tài sản trên cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (là Công ty con Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt) với tổng giá trị là 15.295.000.000 đồng. Do đó, chỉ tiêu lợi nhuận và tài sản cố định trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tăng lên với giá trị là 12.917.646.346 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6-25
Máy móc, thiết bị	3-13
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-13
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-20
Tài sản cố định khác	6

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy Biz và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</u>
Quyền sử dụng đất	45-48
Phần mềm máy vi tính	4
TSCĐ vô hình khác	5

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt, Cty TNHH Nippon steel & Sumikin Metal Products Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là Công ty TNHH MTV Lim Royal, Công ty Cổ phần Xây dựng Hanel được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ dần trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích phải phản ánh được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho doanh nghiệp. Thời gian sử dụng hữu ích của lợi thế thương mại được phân bổ 10 năm kể từ ngày được ghi nhận.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

*(tiếp theo)*

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

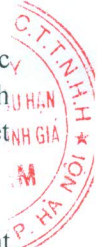
Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, xà gồ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép, ống thép, khuôn mẫu - nhựa cao cấp và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.
- Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.
- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

*(tiếp theo)*

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

**14.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ của đơn vị là chi phí đóng góp xây dựng hạ tầng kỹ thuật liên kết khu công nghiệp Quế Võ, đầu tư xây dựng dự án của Công ty CP công nghiệp Bắc Việt tại Thái Bình và chi phí xây dựng nhà máy của Công ty Cổ phần Công nghệ Bắc Việt và chi phí thực tế để mua sắm và xây dựng của dự án Logistic Bắc Ninh, dự án Trường đại học Công nghệ Lý Thái Tổ được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

**14.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**14.4 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với sản phẩm thép và gia công thép và các sản phẩm khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thuế suất và thu nhập chịu thuế của từng Công ty trong tập đoàn.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**14.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	218.741.696	271.285.446
Tiền gửi ngân hàng	4.930.922.017	3.198.158.721
<b>Cộng</b>	<b>5.149.663.713</b>	<b>3.469.444.167</b>
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	48.881.542.007	50.881.002.110
<i>Nguyễn Ngọc Mẫn</i>	-	171.308.036
<i>Công ty TNHH Nipon Steel &amp; Sumikin</i>	-	52.930.000
<i>Nguyễn Văn Mừng</i>	47.520.000.000	47.520.000.000
<i>Công ty CP TM và CPN Nội Bài tại Bình Dương</i>	5.187.836	-
<i>Nguyễn Hữu Bảo</i>	68.085.548	-
<i>Các đối tượng khác</i>	1.288.268.623	3.136.764.074
<b>Cộng</b>	<b>48.881.542.007</b>	<b>50.881.002.110</b>
3. Hàng tồn kho	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.206.757.758	1.916.761.017
Công cụ, dụng cụ	78.457.127	189.794.903
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	59.779.346.683	55.782.002.468

101202  
CÔNG  
RÁCH NHIỆ  
ÊM TOÁN  
VIỆT  
TƯ GIẤY

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Thành phẩm (*)	15.330.532.912	15.573.959.398
Hàng hoá	36.369.929.823	38.670.961.803
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>113.765.024.303</b>	<b>112.133.479.589</b>
(*) Trong tổng số dư chi phí sản xuất sản xuất kinh doanh dở dang có 35.036.437.868 đồng và thành phẩm là 14.499.372.224 đồng là của Công ty CP Công nghệ Bắc Việt.		
<b>4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.872.872	36.483.280
<b>Cộng</b>	<b>36.872.872</b>	<b>36.483.280</b>
<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	162.053.639	-
Tạm ứng	3.723.775.249	4.576.474.209
<i>Tạ Anh Tuấn</i>	144.183.600	-
<i>Trần Anh Vương</i>	1.057.644.676	660.681.676
<i>Vũ Hữu Trí</i>	1.523.196.115	-
<i>Trần Trọng Nghĩa</i>	-	441.679.361
<i>Nguyễn Hữu Bảo</i>	-	68.085.548
<i>Các đối tượng khác</i>	998.750.858	3.406.027.624
Các khoản thế chấp, ký quỹ ký cược	693.762.845	-
<b>Cộng</b>	<b>4.417.538.094</b>	<b>4.576.474.209</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>54.886.248.472</b>	<b>129.546.638.613</b>	<b>21.687.870.429</b>	<b>2.910.500.924</b>	<b>4.314.459.457</b>	<b>213.345.717.895</b>
Mua trong kỳ	63.459.500	2.509.343.071	-	11.000.000	-	2.583.802.571
Đầu tư XD/CB hoàn thành	22.400.233.365	26.673.677.626	590.909.091	-	-	49.664.820.082
Thanh lý, nhượng bán	(96.880.000)	(36.891.472.158)	(2.278.054.255)	(350.379.500)	(294.000.000)	(39.910.785.913)
Giảm khác	(45.180.153)	(471.499.353)	-	(588.110.357)	(34.460.000)	(1.139.249.863)
<b>Số dư ngày 30/06/2013</b>	<b>77.207.881.184</b>	<b>121.366.687.799</b>	<b>20.000.725.265</b>	<b>1.983.011.067</b>	<b>3.985.999.457</b>	<b>224.544.304.772</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>17.489.966.462</b>	<b>36.489.404.810</b>	<b>9.760.117.756</b>	<b>1.729.386.215</b>	<b>1.126.925.598</b>	<b>66.595.800.841</b>
Khấu hao trong kỳ	1.607.255.134	4.424.228.838	915.569.922	123.967.885	168.896.541	7.239.918.320
Thanh lý, nhượng bán	(23.412.657)	(10.593.576.393)	(261.666.082)	(139.880.303)	(88.812.500)	(11.107.347.935)
Giảm khác (*)	(13.596.328)	(210.522.713)	(1.082.329.958)	(492.412.123)	(35.360.000)	(1.834.221.122)
<b>Số dư ngày 30/06/2013</b>	<b>19.060.212.611</b>	<b>30.109.534.542</b>	<b>9.331.691.638</b>	<b>1.221.061.674</b>	<b>1.171.649.639</b>	<b>60.894.150.104</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>37.396.282.010</b>	<b>93.057.233.803</b>	<b>11.927.752.673</b>	<b>1.181.114.709</b>	<b>3.187.533.859</b>	<b>146.749.917.054</b>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	<b>58.147.668.573</b>	<b>91.257.153.257</b>	<b>10.669.033.627</b>	<b>761.949.393</b>	<b>2.814.349.818</b>	<b>163.650.154.668</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 120.146.190.194 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.636.733.690 VND

(\*) Giá trị giảm khác trong kỳ là các tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30.000.000 đồng, được thực hiện phân loại lại theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ".



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2013	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000	5.906.495.390
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2013	5.050.655.390	515.840.000	340.000.000	5.906.495.390
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2013	379.732.338	481.450.648	340.000.000	1.201.182.986
Khấu hao trong kỳ	57.835.404	34.389.352	-	92.224.756
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2013	437.567.742	515.840.000	340.000.000	1.293.407.742
Tại ngày 01/01/2013	4.670.923.052	34.389.352	-	4.705.312.404
Tại ngày 30/06/2013	4.613.087.648	-	-	4.613.087.648

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

30/06/2013

01/01/2013

VND

VND

Dự án Logictis Bắc Ninh và công nghệ Lý Thái Tổ	215.207.732	215.207.732
Công trình nhà xưởng công nghệ	3.333.988.876	3.323.070.876
Công trình nhà xưởng Thái Bình	1.123.302.218	19.204.017.114
Công trình khác	226.507.351	226.507.351
<b>Cộng</b>	<b>4.899.006.177</b>	<b>22.968.803.073</b>

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

30/06/2013

01/01/2013

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	<b>22.782.012.640</b>	-	<b>24.685.354.237</b>
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	-	<b>18.413.768.644</b>	-	<b>20.317.110.241</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	-	4.788.094.278	-	4.907.025.496
Công ty Cổ phần thương mại Đầu tư và Công nghệ Hưng Việt	-	2.433.518.745	-	2.512.148.745
Công ty TNHH Nippon steel & Sumikin Metal Product VN	-	11.192.155.621	-	12.897.936.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	-	<b>4.368.243.996</b>	-	<b>4.368.243.996</b>
Công ty CP Xây dựng Hanel	-	1.452.457.000	-	1.452.457.000
Công ty TNHH MTV LIM ROYAL	-	2.915.786.996	-	2.915.786.996

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

(tiếp theo)

<b>10. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.525.952.426	3.136.213.887
Chi phí khác	3.141.663.067	1.749.509.050
<b>Cộng</b>	<b>6.667.615.493</b>	<b>4.885.722.937</b>
<b>11. Lợi thế thương mại</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt	4.767.885.870	5.056.848.650
<b>Cộng</b>	<b>4.767.885.870</b>	<b>5.056.848.650</b>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>149.651.702.678</b>	<b>212.668.766.624</b>
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (1)	80.022.462.516	109.329.390.312
Ngân hàng Indovina - PGD Mỹ Đình(2)	27.375.560.000	62.431.476.800
Ngân hàng TMCP Bảo Việt(3)	33.212.994.323	33.764.253.450
Ngô Thị Thu (4)	705.800.000	-
Vũ Hồng Thủy	1.783.952.522	1.745.021.913
Nguyễn Vũ Giang	590.835.997	82.749.709
Nguyễn Văn Mừng (4)	1.948.373.719	-
Các đối tượng khác(4)	4.011.723.601	5.315.874.440
<b>Cộng</b>	<b>149.651.702.678</b>	<b>212.668.766.624</b>

(1) là khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hạn mức số 444.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ngày 25 tháng 08 năm 2011 với hạn mức 50.000.000.000 VND; mục đích bổ sung vốn lưu động; lãi suất theo từng lần nhận nợ và có thể thay đổi theo quy định của ngân hàng, thời hạn cho từng khoản vay không quá 06 tháng; tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển với tổng giá trị là 71,5 tỷ đồng.
- Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng ngắn hạn số 763.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.12 ngày 12/9/2012 với hạn mức 20.000.000.000 VND; mục đích bổ sung vốn lưu động; thời hạn hạn mức đến ngày 25/8/2013; thời hạn cho vay quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng; khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cầm cố hàng hóa có sẵn trong kho hoặc hình thành từ vốn vay; lãi suất vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ và có thể thay đổi theo quy định của ngân hàng.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGBTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Đến thời điểm 30/06/2013 trong tổng số vay bằng VND có 15.813.800.000 đồng đã gia hạn thanh toán và đã quá hạn thanh toán có 14.874.309.312 đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

**(tiếp theo)**

- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 170.107/HĐHM/NH-PN/PGDTL.11 ký ngày 10/05/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Đến thời điểm 30/06/2013 trong tổng số vay bằng USD có 959.000USD đã quá hạn thanh toán.

(2) Vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 015/IVBMD-HĐHM/2013, Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, Thời gian giải ngân đến hết ngày 28/2/2014, Mục đích vay: Tài trợ cho một phần vốn lưu động của bên vay, Lãi suất vay: 14% cho 360 ngày đối với các khoản vay VND và 6,5% cho 360 ngày đối với các khoản vay USD, Thời hạn các khoản vay thông thường (theo Giấy cam kết trả nợ) không được quá 180 ngày, Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu Công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với tổng giá trị ước tính là 56.986.163.000 VND; Quyền thuê đất (82.000 m<sup>2</sup>) của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt tại khu Công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Quyền sử dụng 42.350 m<sup>2</sup> đất của Công ty CP Kim khí Bắc Việt tại khu Công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thành phố Hải Phòng có tổng giá trị là 19.216.312.500 VND; Toàn bộ tồn kho hàng hóa của Công ty CP Thép Bắc Việt được hình thành từ nguồn vốn vay Ngân hàng Indovina Chi nhánh Đống Đa.

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 118.2011.HĐTD ngày 14/07/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền đền bù và tài sản gắn liền trên đất thuộc nhà máy sản xuất kết cấu thép tại thôn Giang Liễu, Quê võ Bắc Ninh trị giá 6 tỷ đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 13,9 tỷ đồng và hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu và hợp đồng số 174.2012.HĐTD.BVB-TTKD ngày 27/11/2012, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ, tài sản đảm bảo là tiền sử dụng đất gắn liền trên đất với tổng giá trị là 29.205.000.000 đồng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải có tổng giá trị là 8.400.000.000 đồng và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của bên B.

(4) Khoản vay ngắn hạn (kỳ hạn từ 1/1/2013-31/12/2013) của một số cán bộ nhân viên tại Công ty theo các hợp đồng vay vốn cá nhân. Không quy định mục đích sử dụng vốn vay. Lãi suất 14%/năm và thay đổi căn cứ theo lãi suất vay cao nhất của ngân hàng PG Bank trừ đi (-) 5%.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT đầu ra	6.004.691.563	1.601.743.034
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.562.100	8.679.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	46.168.315
Thuế thu nhập cá nhân	249.522.718	267.450.808
<b>Cộng</b>	<b>6.255.776.381</b>	<b>1.924.041.185</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

14. Chi phí phải trả		30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả		21.785.444.069	11.870.692.726
Chi phí tiền ăn ca		-	33.870.000
<b>Cộng</b>		<b>21.785.444.069</b>	<b>11.904.562.726</b>
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý		18.124.936	-
Kinh phí công đoàn		523.708.846	456.802.956
Bảo hiểm xã hội, y tế		2.537.906.472	1.694.189.010
Phải trả, phải nộp khác		546.300.278	603.379.378
Phải thu khác (Dư có Tk 1388)		1.870.464	-
<b>Cộng</b>		<b>3.627.910.996</b>	<b>2.754.371.344</b>
16. Vay và nợ dài hạn	Lãi suất %/năm	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		<b>119.918.507.729</b>	<b>84.490.677.589</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex(1)	15%	81.954.307.729	84.490.677.589
Ngân hàng Idovina - Mỹ Đình (2)	6,5 -14	37.964.200.000	-
<b>Cộng</b>		<b>119.918.507.729</b>	<b>84.490.677.589</b>

(1) là khoản vay bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hạn mức số 111.09/HĐTD/TH - PN PGB ngày 23 tháng 12 năm 2009 với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 năm, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thuê, nhà xưởng và máy móc thiết bị. Trị giá tài sản thế chấp là: 101.646.000.000 VND.
- Hợp đồng hạn mức số 585.107/HĐTD/TH-PN/PGB11, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, tài sản thế chấp là máy móc thiết bị nhập khẩu mới 100% có nguồn gốc xuất xứ và được mở LC thanh toán qua PG Bank, tổng trị giá tài sản thế chấp là: 12.027.381.582 VND.

(2) Theo Hợp đồng tín dụng số 017/IVBMD-HĐDH/2013 ngày 28/02/2013, hạn mức là 40 tỷ đồng chẵn, thời hạn vay: 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ 1 phần việc đầu tư xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị cho dự án "Nhà máy thép hình và cơ khí Bắc Việt". Lãi suất vay = USD: 6,5% cho 360 ngày, đối với khoản vay = VND: 14% cho 360 ngày và các mức lãi suất này sẽ được xem xét điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là: Toàn bộ nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất khác và các máy móc thiết bị của Công ty CP Công nghiệp Bắc Việt với giá trị: 56.986.163.000 đồng, quyền thuê đất (82.000 m2) của Công ty CP công nghiệp Bắc Việt, Quyền sử dụng đất của Công ty CP Kim Khí Bắc Việt với giá trị: 19.216.312.500 đồng.

2228-c

CÔNG TY  
THIÊN HỮU  
AN VÀ ĐÌNH  
T NAI

ẢY - TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>2.098.936.381</b>	<b>116.111.787.181</b>
Lỗi trong năm	-	-	(36.697.573.370)	(36.697.573.370)
Lợi nhuận từ công ty con	-	-	300.000.000	300.000.000
Lợi nhuận từ công ty liên kế	-	-	168.835.532	168.835.532
Phân phối các quỹ	-	-	(962.626.373)	(962.626.373)
Giảm khác	-	-	(749.688.696)	(749.688.696)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>(35.842.116.526)</b>	<b>78.170.734.274</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	1.938.541.604	1.938.541.604
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2013</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>16.503.370.800</b>	<b>(33.903.574.922)</b>	<b>80.109.275.878</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cộng</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>97.509.480.000</b>	<b>97.509.480.000</b>
Vốn góp đầu kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	97.509.480.000	97.509.480.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>-</b>	<b>2.039.041.863</b>

**d) Cổ phiếu**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	9.750.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013****(tiếp theo)**

Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu phổ thông	9.750.948	9.750.948
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

**e) Các quỹ của công ty**

	<b>01/01/2013</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>30/06/2013</b>
Quỹ đầu tư phát triển	6.719.029.425	-	-	6.719.029.425
Quỹ dự phòng tài chính	1.137.798.402	-	-	1.137.798.402
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	150.037.319	-	-	150.037.319
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.006.865.146</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.006.865.146</b>

**Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất****18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	91.805.685.674	336.330.001.923
<b>Cộng</b>	<b>91.805.685.674</b>	<b>336.330.001.923</b>

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Giảm giá hàng bán	469.202.889	207.883.681
<b>Cộng</b>	<b>469.202.889</b>	<b>207.883.681</b>

202228  
CÔNG T  
CH NHIỆM H  
TOÁN VÀ Đ  
VIỆT N  
GIẤY - T

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	91.336.482.785	336.122.118.242
<b>Cộng</b>	<b>91.336.482.785</b>	<b>336.122.118.242</b>
<b>21. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ	74.534.289.804	316.891.325.793
<b>Cộng</b>	<b>74.534.289.804</b>	<b>316.891.325.793</b>
<b>22. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.134.005	51.703.375
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.363.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	990.439	-
<b>Cộng</b>	<b>25.487.444</b>	<b>51.703.375</b>
<b>23. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	16.219.778.799	27.059.258.046
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	377.525.661	319.507.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	638.048.000	-
Lãi trả chậm bảo hiểm	13.890.896	-
<b>Cộng</b>	<b>17.249.243.356</b>	<b>27.378.765.168</b>
<b>24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.381.798.486	135.236.973.636
Chi phí nhân công	11.952.479.143	11.437.174.603
Chi phí công cụ dụng cụ	-	84.929.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.332.143.076	8.854.931.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.888.482.090	4.754.210.494
Chi phí khác bằng tiền	4.991.758.247	3.327.141.797
<b>Cộng</b>	<b>52.546.661.042</b>	<b>163.695.361.937</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.938.541.604	(19.298.961.521)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.750.948	9.750.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	199	(1.979)

**26. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại Công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.149.663.713	3.469.444.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.649.676.967	146.085.517.358
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.368.243.996	4.368.243.996
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.167.584.676</b>	<b>153.923.205.521</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	269.570.210.407	297.159.444.213
Phải trả người bán và phải trả khác	41.181.711.980	69.292.339.698
Chi phí phải trả	21.785.444.069	11.904.562.726
<b>Tổng cộng</b>	<b>332.537.366.456</b>	<b>378.356.346.637</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2013 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

*(tiếp theo)*

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30/06/2013 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	47.502.840.000	82.706.353.800	1.984.605.922	372.907.657

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

0222  
 NG  
 HIỆM  
 AN VÀ  
 ỆT N  
 4Y-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013**

*(tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tài cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/06/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	41.181.711.980	-	41.181.711.980
Chi phí phải trả	21.785.444.069	-	21.785.444.069
Các khoản vay	149.651.702.678	119.918.507.729	269.570.210.407
<b>01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	69.292.339.698	-	69.292.339.698
Chi phí phải trả	11.904.562.726	-	11.904.562.726
Các khoản vay	212.668.766.624	84.490.677.589	297.159.444.213

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.149.663.713	-	5.149.663.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác	103.649.676.967	-	103.649.676.967
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996
<b>01/01/2013</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.469.444.167	-	3.469.444.167
Phải thu khách hàng và phải thu khác	146.085.517.358	-	146.085.517.358
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	4.368.243.996	4.368.243.996

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

**27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>
Lãi trả chậm bảo hiểm xã hội	13.890.896
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản vay ngắn hạn	638.048.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

**VIII Các thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<b>Doanh thu</b>			
Bán hàng cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	40.240.387.014	99.683.257.787
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	5.628.073.108	-
<b>Mua hàng</b>			
Mua hàng của Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	49.661.425.098	103.589.217.105
<b>Bán thanh lý tài sản</b>			
Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	15.149.000.000	-
Bán tài sản cho Công ty CP Thương mại Bắc Việt	Công ty liên doanh	25.906.499.698	-

**1.2 Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Các khoản phải thu</b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Bắc Việt	Công ty liên kết	8.423.111.264	11.617.863.052
Công ty CP Đầu tư & Xây Dựng Hanel	Đầu tư dài hạn khác	503.504.125	503.504.125
Ông Nguyễn Văn Mừng	Phó phòng Kinh doanh	47.520.000.000	47.520.000.000
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	692.005.164	-
<b>Các khoản phải trả</b>			
Công ty Cổ phần Thương Mại Bắc Việt	Công ty liên kết	14.150.782.216	19.000.994.972
Cty TNHH Nippon steel & Sumikin metal products Việt Nam	Công ty liên doanh	8.613.243	-

**2. Những thông tin khác****2.1 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	41.622.576.823	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	237.000.000	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

(tiếp theo)

Thu từ xử lý số dư công nợ	640.389	6.930.968
Thu nhập khác	19.865.218	11.126
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.880.082.430</b>	<b>6.942.094</b>
<b>2.2 Chi phí khác</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	27.722.100.916	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	43.660.255	
Chi phí xử lý số dư công nợ	5.173.314	2.267.296
Tiền thuế bị phạt, truy thu	1.550.457	13.367.738
Chi phí khác	44.344.389	966
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.816.829.331</b>	<b>15.636.000</b>

**2.3 Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP BẮC VIỆT**

Giám đốc



Trần Anh Vương